

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án: 54/2025/DS-ST

Ngày: 10 -02 -2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Bà Võ Thị Mai

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 753/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 688/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

Địa chỉ: 266-268 N, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; địa chỉ: Lầu 5, Số 278 đường N, Phường V, Quận X, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 1786/UQ-PGD ngày 26/3/2024). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Phạm Tuấn T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 884/149 L, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Trần Đức T trình bày:*

Ngày 16/09/2016 Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết với ông Phạm Tuấn T1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30,000,000 VNĐ với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Phạm Tuấn T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74,826,406 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Phạm Tuấn T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Phạm Tuấn T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 92,184,000 đồng, sau đó ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do đó ngày 01/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/02/2025, Ông Phạm Tuấn T1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc : 36,858,927 đồng; Lãi quá hạn: 44,323,225 đồng; Tổng cộng : 81,182,152 đồng (Bằng chữ: Tám mươi một triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn)

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc Ông Phạm Tuấn T1 trả cho Ngân hàng số nợ gốc là: Nợ gốc : 36,858,927 đồng; Lãi quá hạn: 44,323,225 đồng; Tổng cộng : 81,182,152 đồng (Bằng chữ: Tám mươi một triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn) và ông T1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT là Ông Trần Đức T đã có đơn yêu cầu xử vắng mặt đề ngày 07/02/2025, đã được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông T1 không tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử. Nhưng ông T1 đã vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ văn bản nào đến Tòa thể hiện ý kiến của ông T1 đối với vụ án. Như vậy, ông T1 không nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 bị xâm phạm, nên ông T1 không tham gia phiên tòa để tự mình hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1. Ông Phạm Tuấn T1 vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án lần hai (02) không có lý do.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Tp.Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72,73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã ký hợp đồng mở thẻ cho Ông Phạm Tuấn T1, nhưng khi đến hạn trả nợ lại không trả nợ theo thỏa thuận. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông Phạm Tuấn T1 có vay tiền của Ngân hàng. Do đó có cơ sở xác định giữa ông T1 và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do ông T1 không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện. Tại thời điểm ký kết hợp đồng vay ông T1 cư trú tại: 884/149 L, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Về người tham gia tố tụng:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập đương sự cho Ông Phạm Tuấn T1, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông T1 vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T1. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định những tình tiết, sự kiện của nguyên đơn cung cấp không phải chứng minh.

*[2]. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 16/9/2016 được ký giữa Ông Phạm Tuấn T1 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, Ông Phạm Tuấn T1 đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông T1 thanh toán số nợ gốc là: 36,858,927 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10/02/2025 là: 44,323,225 đồng; Tổng cộng: 81,182,152 đồng (Bằng chữ: Tám mươi một triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn).

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động Ngân hàng TMCP Sài Gòn TThì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/9/2016 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Ông Phạm Tuấn T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, cần buộc Ông Phạm Tuấn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/02/2025 là 81,182,152 đồng, Trong đó số nợ gốc là: 36,858,927 đồng; Lãi quá hạn: 44,323,225 đồng; kể từ ngày 11/02/2025, Ông Phạm Tuấn T1 vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ cho đến ngày thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên Ông Phạm Tuấn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.059.108 đồng đối với khoản nợ mà ông T1 phải trả tổng cộng: 81,182,152 đồng (Tám mươi một triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn)

[4]. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

- Buộc Ông Phạm Tuấn T1 thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là: 36,858,927 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 10/02/2025 là 44,323,225 đồng, tổng cộng: 81,182,152 đồng Tám mươi một triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn). Thời hạn thực hiện là trả một lần toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Phạm Tuấn T1 tiếp tục chịu lãi từ ngày 11/02/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm khoản nợ.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký ngày ngày 16/9/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Tuấn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.059.108 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, một trăm linh tám đồng)

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.636.634 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT theo biên lai thu số: 0013661 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi Cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Phong**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi Cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Lê Thành Phong**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Phong**